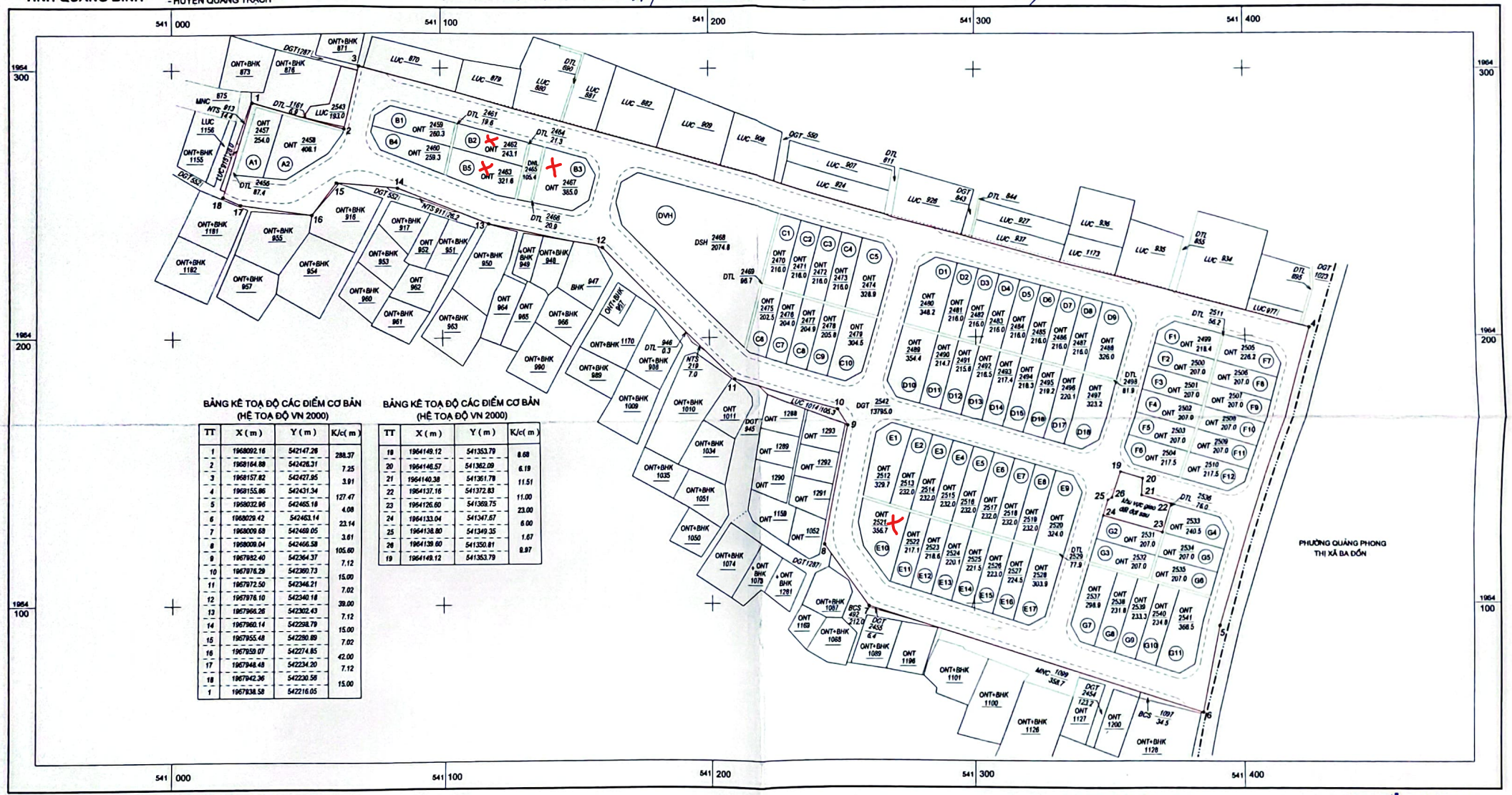
CHỈNH LÝ ĐỊA CHÍNH
XÃ QUẢNG THANH
TỜ SỐ 8 (965540 - 2)

TÊN KHU ĐO: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ THÔN TÂN AN, XÃ QUẢNG THANH, HUYỆN QUẢNG TRẠCH (GIAO ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định giao đất số: 374 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 2 năm 2021 của UBND...Ủy ban nhân dân.....)

TỈNH QUẢNG BÌNH - HUYỆN QUẢNG TRẠCH



BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM CƠ BẢN
(HỆ TOẠ ĐỘ VN 2000)

TT	X (m)	Y (m)	K/c(m)
1	1968092.16	542147.26	288.37
2	1968164.88	542426.31	7.25
3	1968157.82	542427.95	3.91
4	1968155.86	542431.34	127.47
5	1968032.96	542465.18	4.08
6	1968029.42	542463.14	23.14
7	1968009.68	542469.05	3.61
8	1968009.04	542466.58	105.60
9	1967982.40	542364.37	7.12
10	1967976.29	542360.73	15.00
11	1967972.50	542346.21	7.02
12	1967976.10	542340.18	39.00
13	1967966.26	542302.43	7.12
14	1967960.14	542298.79	15.00
15	1967955.48	542280.89	7.02
16	1967959.07	542274.85	42.00
17	1967948.48	542234.20	7.12
18	1967942.36	542230.58	15.00
1	1967938.58	542216.05	

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM CƠ BẢN
(HỆ TOẠ ĐỘ VN 2000)

TT	X (m)	Y (m)	K/c(m)
18	1964149.12	541353.79	8.68
20	1964146.57	541362.09	6.19
21	1964140.38	541361.78	11.51
22	1964137.16	541372.83	11.00
23	1964126.60	541369.75	23.00
24	1964133.04	541347.57	6.00
25	1964138.80	541349.35	1.67
26	1964139.60	541350.81	9.97
19	1964149.12	541353.79	

TỈ LỆ 1:1000

1 cm trên bản đồ bằng 10 m trên thực địa

20m 10 0 20 40 60 80m

Đo vẽ ngày 12 tháng 10 năm 2021
Cơ quan đo vẽ:
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàng Thanh Phương

Kiểm tra ngày 13 tháng 10 năm 2021
Cơ quan kiểm tra
PHÒNG ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thanh Mai

Duyệt ngày 13 tháng 10 năm 2021
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàng Quốc Việt